

≡ 家畜 ≡



熊
xióng



猫
māo



熊猫
xióng māo



鹦鹉
yīngwǔ



仓鼠
cāngshǔ



鸟
niǎo



蛇
she



狗
gou



鱼
yu



兔子
tuzi